

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)  
Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa Nhà Geleximco, 36 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại : 04.6276 5555  
Fax : 04.6276 5556  
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoàng Mai  
Địa chỉ: P1208, Nhà CT3C- X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai,  
Hà Nội  
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0938.242888  
Fax

Loại thông in công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý IV năm 2018

Các nội dung nêu trên được đăng tải tại trang thông tin của VNI theo đường  
dẫn:

<https://bhhk.com.vn/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2019

**Người thực hiện công bố thông tin**



Nguyễn Hoàng Mai

**Tài liệu gửi kèm:**

-Báo cáo tài chính quý IV năm 2018

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MÃ SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>1,437,367,769,184</b>	<b>1,165,225,203,189</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>107,917,151,188</b>	<b>288,666,117,694</b>
1. Tiền	111		107,917,151,188	273,666,117,694
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>327,173,186,191</b>	<b>482,348,485,456</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		332,619,709,927	482,626,985,996
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5,446,523,736)	(278,500,540)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>635,243,826,484</b>	<b>155,186,416,992</b>
1. Phải thu khách hàng	131		189,238,734,540	150,519,202,402
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	139,881,157,185	87,838,397,055
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	49,357,577,355	62,680,805,347
2. Trả trước cho người bán	132		3,449,409,215	1,844,490,800
3. Các khoản phải thu khác	135	9	480,104,859,836	40,264,874,166
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(37,549,177,107)	(37,442,150,376)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20,793,604,514</b>	<b>17,760,672,282</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	20,428,787,615	17,759,875,001
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		19,194,485,321	16,259,042,027
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1,234,302,294	1,500,832,974
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		364,816,899	797,281
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>12</b>	<b>346,240,000,807</b>	<b>221,263,510,765</b>
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		135,673,404,937	97,305,273,933
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		210,566,595,870	123,958,236,832
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>488,751,555,885</b>	<b>516,712,903,605</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11,266,790,174</b>	<b>10,353,473,938</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	11,266,790,174	10,353,473,938
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		4,266,790,174	3,353,473,938
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5,561,871,067</b>	<b>7,403,211,853</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5,200,348,492	6,926,689,093
<i>Nguyên giá</i>	222		21,908,355,283	22,519,137,136
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16,708,006,791)	(15,592,448,043)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	361,522,575	476,522,760
<i>Nguyên giá</i>	228		1,750,350,000	1,750,350,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,388,827,425)	(1,273,827,240)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>467,768,115,829</b>	<b>493,883,696,384</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		55,550,000,000	55,550,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		412,595,680,350	438,333,696,384
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(377,564,521)	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,154,778,815</b>	<b>5,072,521,430</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4,154,778,815	5,072,521,430
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1,926,119,325,069</b>	<b>1,681,938,106,794</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018


**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,110,960,022,487</b>	<b>855,720,229,185</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,101,084,573,615</b>	<b>855,014,748,492</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	79,546,608,317
2. Phải trả cho người bán	312		161,505,705,554	119,679,875,262
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	160,054,423,180	114,533,985,348
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		1,451,282,374	5,145,889,914
3. Người mua trả tiền trước	313		8,853,353,796	7,485,016,730
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	8,449,763,459	10,218,760,868
5. Phải trả người lao động	315		15,865,521,604	17,365,403,096
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	2,670,289,143	2,011,916,646
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	36,646,878,790	24,685,533,444
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		344,610,336	237,751,113
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	866,748,450,933	593,783,883,016
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		467,649,865,525	331,353,087,008
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		352,860,297,810	222,800,122,138
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		46,238,287,598	39,630,673,870
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9,875,448,872</b>	<b>705,480,693</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		6,000,000	1,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		9,869,448,872	704,480,693
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>815,159,302,582</b>	<b>826,217,877,609</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>815,159,302,582</b>	<b>826,217,877,609</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	800,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		11,193,821,604	10,985,112,079
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3,965,480,978	15,232,765,530
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1,926,119,325,069</b>	<b>1,681,938,106,794</b>


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2019


Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng

Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc




**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018***MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4 năm 2018	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4 năm 2017 (Phân loại lại)
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	197,735,080,409	153,182,937,311	634,119,217,184	459,238,418,019
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	98,621,859,551	43,720,509,728	158,275,431,050	89,799,171,160
3. Thu nhập khác	13	154,733,277	166,404,778	720,797,456	909,590,682
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	186,835,764,919	130,658,844,666	633,693,115,249	435,803,706,974
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	29,901,162,077	1,112,173,902	40,450,744,695	3,948,736,202
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	51,652,015,890	38,869,321,198	114,486,968,704	90,573,094,553
7. Chi phí khác	24	21,479,775	91,009,076	146,092,653	381,892,980
<b>8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)</b>	<b>50</b>	<b>28,101,250,576</b>	<b>26,338,502,975</b>	<b>4,338,524,389</b>	<b>19,239,749,152</b>
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50)	60	27,936,916,690	23,232,099,141	4,174,190,503	16,034,490,032

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4 năm 2018	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4 năm 2017 (Phân loại lại)
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>233,981,136,329</b>	<b>175,797,546,318</b>	<b>788,975,020,672</b>	<b>582,679,348,861</b>
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		256,598,554,669	197,960,902,296	889,841,704,138	637,713,272,735
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		9,760,007,252	10,297,562,876	35,430,095,051	35,444,016,623
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		32,377,425,592	32,460,918,854	136,296,778,517	90,477,940,497
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>63,557,774,738</b>	<b>44,579,132,507</b>	<b>226,236,676,928</b>	<b>170,863,157,887</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		70,663,902,594	61,767,938,926	264,604,807,932	197,683,213,899
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		7,106,127,856	17,188,806,419	38,368,131,004	26,820,056,012
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)</b>	<b>03</b>		<b>170,423,361,591</b>	<b>131,218,413,811</b>	<b>562,738,343,744</b>	<b>411,816,190,974</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>27,311,718,818</b>	<b>21,964,523,500</b>	<b>71,380,873,440</b>	<b>47,422,227,045</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		25,458,495,029	18,673,576,204	68,661,046,212	43,642,427,998
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		1,853,223,789	3,290,947,296	2,719,827,228	3,779,799,047
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>197,735,080,409</b>	<b>153,182,937,311</b>	<b>634,119,217,184</b>	<b>459,238,418,019</b>
<b>6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)</b>	<b>11</b>		<b>106,162,371,404</b>	<b>62,634,341,641</b>	<b>307,282,290,106</b>	<b>190,083,690,883</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		106,162,371,404	62,634,341,641	307,282,290,106	190,083,690,883
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>43,619,968,576</b>	<b>20,136,135,540</b>	<b>103,257,958,084</b>	<b>55,823,179,538</b>
<b>8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>		<b>23,809,586,038</b>	<b>40,813,168,238</b>	<b>130,060,175,672</b>	<b>69,099,900,182</b>
<b>9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>10,876,530,996</b>	<b>36,879,435,923</b>	<b>86,608,359,038</b>	<b>37,988,811,848</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>15</b>	<b>22</b>	<b>75,475,457,870</b>	<b>46,431,938,416</b>	<b>247,476,148,656</b>	<b>165,371,599,679</b>
<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối</b>	<b>16</b>		<b>1,957,890,553</b>	<b>1,464,957,583</b>	<b>6,607,613,728</b>	<b>4,754,820,394</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>17</b>	<b>23</b>	<b>109,402,416,496</b>	<b>82,761,948,667</b>	<b>379,609,352,865</b>	<b>265,677,286,901</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		9,730,866,724	8,099,288,350	35,170,323,322	28,833,517,458
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		99,671,549,772	74,662,660,317	344,439,029,543	236,843,769,443
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)</b>	<b>18</b>		<b>186,835,764,919</b>	<b>130,658,844,666</b>	<b>633,693,115,249</b>	<b>435,803,706,974</b>
<b>14. LN (Lỗ) góp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)</b>	<b>19</b>		<b>10,899,315,490</b>	<b>22,524,092,645</b>	<b>426,101,935</b>	<b>23,434,711,045</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4 năm 2018	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4 năm 2017
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	98,621,859,551	43,720,509,728	158,275,431,050	89,799,171,160
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	29,901,162,077	1,112,173,902	40,450,744,695	3,948,736,202
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>68,720,697,474</b>	<b>42,608,335,826</b>	<b>117,824,686,355</b>	<b>85,850,434,958</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	51,652,015,890	38,869,321,198	114,486,968,704	90,573,094,553
<b>19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>27,967,997,074</b>	<b>26,263,107,273</b>	<b>3,763,819,586</b>	<b>18,712,051,450</b>
20. Thu nhập khác	31		154,733,277	166,404,778	720,797,456	909,590,682
21. Chi phí khác	32		21,479,775	91,009,076	146,092,653	381,892,980
<b>22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>133,253,502</b>	<b>75,395,702</b>	<b>574,704,803</b>	<b>527,697,702</b>
<b>23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>28,101,250,576</b>	<b>26,338,502,975</b>	<b>4,338,524,389</b>	<b>19,239,749,152</b>
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		164,333,886	3,106,403,834	164,333,886	3,205,259,120
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>27,936,916,690</b>	<b>23,232,099,141</b>	<b>4,174,190,503</b>	<b>16,034,490,032</b>

Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2019

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

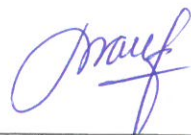
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


**MẪU SỐ B 03a-DNPNT**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,132,380,850,031	999,560,421,514
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(924,571,797,192)	(711,641,842,168)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(120,121,450,989)	(99,550,708,833)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(928,420,996)	(173,333,333)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2,086,904,695)	(666,287,815)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	79,371,707,203	332,119,919,312
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(130,715,342,452)	(395,380,176,997)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>33,328,640,910</b>	<b>124,267,991,680</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(32,500,000)	(2,579,166,009)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	283,468,859	562,795,454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(790,000,211,913)	(961,055,500,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	755,279,797,137	714,796,106,806
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(143,659,998,500)	(282,495,000,000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	58,172,839,197	26,226,222,279
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(119,956,605,220)</b>	<b>(504,544,541,470)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	300,000,000,000
2. Tiền thu từ đi vay	33	80,000,000,000	99,546,608,317
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(159,546,608,317)	(20,000,000,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14,800,000,000)	(5,200,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(94,346,608,317)</b>	<b>374,346,608,317</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(180,974,572,627)</b>	<b>(5,929,941,473)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>288,666,117,694</b>	<b>294,534,377,663</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	225,606,121	61,681,504
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)</b>	<b>70</b>	<b>107,917,151,188</b>	<b>288,666,117,694</b>



Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng




Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2019





**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 800 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 901 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 731 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và ba mươi ba (33) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi, Bảo hiểm Hàng không Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An, Sở Giao dịch, VNI Thái Nguyên, VNI Tràng An, VNI Hà Thành, VNI Vũng Tàu và Sở Giao dịch 2

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:  
**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giá, định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

#### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[ \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các công ty này ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2018</b>
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ**

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

*Dự phòng phí chưa được hưởng:*

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

*Dự phòng dao động lớn:* Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

**Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe**

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm)*

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

*Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.*

*- Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

#### **Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### ***Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

##### ***Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm***

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm". Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

#### **Đối với các hoạt động khác**

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

#### **Ghi nhận chi phí**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc" và "Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm". Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu kỳ VND</b>
Tiền mặt	2,962,561,913	1,965,150,465
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	104,942,789,275	271,700,967,229
Tiền đang chuyển	11,800,000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	-	15,000,000,000
	<b>107,917,151,188</b>	<b>288,666,117,694</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>332,619,709,927</b>	<b>(5,446,523,736)</b>	<b>482,626,985,996</b>	<b>(278,500,540)</b>
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>38,619,709,927</b>	<b>(5,446,523,736)</b>	<b>11,126,985,996</b>	<b>(278,500,540)</b>
- Tổng giá trị cổ phiếu	38,619,709,927	(5,446,523,736)	11,126,985,996	(278,500,540)
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>294,000,000,000</b>	-	<b>471,500,000,000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	294,000,000,000	-	471,500,000,000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>468,145,680,350</b>	<b>(377,564,521)</b>	<b>493,883,696,384</b>	-
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>15,000,000,000</b>	-	<b>14,000,000,000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	-	-	14,000,000,000	-
- Trái phiếu (iii)	15,000,000,000	-	-	-
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>92,540,000,000</b>	-	<b>57,540,000,000</b>	-
- Đầu tư vào công ty liên kết (iv)	55,550,000,000	-	55,550,000,000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (v)	36,990,000,000	-	1,990,000,000	-
<b>b) Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>360,605,680,350</b>	<b>(377,564,521)</b>	<b>422,343,696,384</b>	-
- Đầu tư mua cổ phiếu OTC (vi)	360,605,680,350	(377,564,521)	422,343,696,384	-

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2018 tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(iii) Thể hiện khoản mua trái phiếu niêm yết của ANBINHCITY với kỳ hạn 02 năm từ ngày 10/07/2018 đến ngày 10/07/2020

(iv) Thể hiện khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp với số tiền: 55,550,000,000 VND tương đương tỷ lệ góp vốn 25% vốn điều lệ.

(v) Thể hiện các khoản góp vốn sau:

- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, số tiền 1.990.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm.

- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Hàng không T&T, số tiền 35.000.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 5% vốn điều lệ).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

(vi) Thẻ hiện khoản mua cổ phiếu của các Công ty:

- Công ty CP Điện Cơ thống Nhất, số tiền 131.945.681.850 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 19% vốn điều lệ)
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ, số tiền 120.000.000.000 (tỷ lệ sở hữu tương đương 5% vốn điều lệ)
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Đầu tư Việt Hà, số tiền 108.659.998.500 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 13% vốn điều lệ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>a) Phải thu phí bảo hiểm gốc</b>	<b>44,231,094,039</b>	<b>49,553,993,649</b>
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	43,055,883,311	30,720,001,800
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	1,175,210,728	18,833,991,849
+ Công ty bảo hiểm PVI	-	16,794,260,937
+ Công ty bảo hiểm khác	1,175,210,728	2,039,730,912
<b>b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm</b>	<b>20,071,949,246</b>	<b>14,106,771,921</b>
<b>c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>73,100,672,384</b>	<b>21,902,725,189</b>
<b>d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đơn bảo hiểm</b>	<b>836,474,137</b>	<b>791,476,396</b>
<b>e) Phải thu khác</b>	<b>1,640,967,379</b>	<b>1,483,429,900</b>
	<b><u>139,881,157,185</u></b>	<b><u>87,838,397,055</u></b>

**8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	43,155,858,321
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	10,318,362,966	15,362,911,094
Phải thu khác	679,315,068	4,162,035,932
	<b><u>49,357,577,355</u></b>	<b><u>62,680,805,347</u></b>

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi của khoản đầu tư trên với giá trị lần lượt là 21.948.415.169 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>480,104,859,836</b>	<b>40,264,874,166</b>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	72,546,531	68,106,133
Tạm ứng	1,989,819,813	1,454,871,118
Phải thu ngắn hạn khác	478,042,493,492	38,741,896,915
- Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước	-	14,625,000,000
- Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T (i)	100,000,000,000	23,277,260,274
- Ông Nguyễn Anh Dũng (ii)	171,250,000,000	-
- Công ty cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ (iii)	205,000,000,000	-
- Khác	1,792,493,492	839,636,641
<b>b) Dài hạn</b>	<b>11,266,790,174</b>	<b>10,353,473,938</b>
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	4,266,790,174	3,353,473,938
	<b>491,371,650,010</b>	<b>50,618,348,104</b>

(i) Thể hiện khoản tiền 100.000.000.000 VND đã chuyển cho Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh khai thác “ Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà ở và dịch vụ thương mại” số 01/2018/HĐHT/CKĐT-VNI giữa Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T và Tổng Công ty ngày 13/04/2018. Hợp đồng này được gia hạn theo Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 28/12/2018, theo đó hiệu lực cuối cùng mới của hợp đồng là ngày 31/05/2019. Theo phụ lục số 03 kèm theo hợp đồng, lợi nhuận hợp tác là 15,00%/năm tính trên số tiền đặt cọc theo số ngày thực tế mà Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T nắm giữ, phần lợi nhuận năm 2018 đã được Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T thanh toán vào ngày 28/12/2018.

(ii) Thể hiện khoản tiền phải thu ông Nguyễn Anh Dũng về nhượng bán cổ phiếu của Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ (Arlexport), số lượng cổ phiếu nhượng bán: 2.250.000, giá bán 85.000 đồng/CP, tổng giá trị giao dịch 191.250.000.000 đồng, ngày 28/12/2018 bên mua đã chuyển tiền đặt cọc mua: 20.000.000.0000 đồng.

(iii) Thể hiện số tiền phải thu Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ về khoản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản số 01/2018/TTĐC/VNI-ARTEXPOR, lợi nhuận hợp tác 8.693.835.616 đồng đã thu ngày 28/12/2018.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

**10. NỢ XẤU**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	43,460,771,335	37,549,177,107	47,751,847,311	37,442,150,376
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	33,272,401,590	43,155,858,321	33,272,401,590
Các đối tượng khác	5,100,872,014	4,276,775,517	4,595,988,990	4,169,748,786

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Phí bảo hiểm gốc	922,751,110	250,259,316	176,803,539	3,751,058,049	5,100,872,014
<b>Cộng</b>	<b>922,751,110</b>	<b>250,259,316</b>	<b>176,803,539</b>	<b>3,751,058,049</b>	<b>5,100,872,014</b>

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	16,259,042,027	12,098,725,498
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	19,004,911,892	16,259,042,027
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(16,069,468,598)	(12,098,725,498)
<b>- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm</b>	<b>19,194,485,321</b>	<b>16,259,042,027</b>
<b>2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>	<b>1,234,302,294</b>	<b>1,500,832,974</b>
	<b>20,428,787,615</b>	<b>17,759,875,001</b>

**12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	135,673,404,937	97,305,273,933
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	210,566,595,870	123,958,236,832
	<b>346,240,000,807</b>	<b>221,263,510,765</b>

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: VND

	<u>Phương tiện vận tải</u> VND	<u>Thiết bị văn phòng</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>10,665,654,045</b>	<b>11,853,483,091</b>	<b>22,519,137,136</b>
Mua sắm mới	-	32,500,000	32,500,000
Thanh lý, nhượng bán	(581,104,217)	(62,177,636)	(643,281,853)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10,084,549,828</b>	<b>11,823,805,455</b>	<b>21,908,355,283</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>5,497,937,887</b>	<b>10,094,510,156</b>	<b>15,592,448,043</b>
Trích khấu hao	957,822,967	801,017,634	1,758,840,601
Thanh lý, nhượng bán	(581,104,217)	(62,177,636)	(643,281,853)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5,874,656,637</b>	<b>10,833,350,154</b>	<b>16,708,006,791</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>5,167,716,158</b>	<b>1,758,972,935</b>	<b>6,926,689,093</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>4,209,893,191</b>	<b>990,455,301</b>	<b>5,200,348,492</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1,750,350,000	1,750,350,000
Số dư cuối kỳ	1,750,350,000	1,750,350,000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	1,273,827,240	1,273,827,240
Trích khấu hao	115,000,185	57,027,489
Số dư cuối kỳ	1,388,827,425	1,388,827,425
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	476,522,760	476,522,760
Tại ngày cuối kỳ	361,522,575	361,522,575

**15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>123,718,745,437</b>	<b>94,325,238,438</b>
Công ty Willis Singapore	40,767,141,190	34,433,487,443
Công ty Willis London	38,006,312	14,793,183,763
Công ty Korean Re	27,932,523,941	16,131,576,882
AON Benfield Asia PTE Ltd	28,296,359,807	9,005,418,813
Các khoản phải trả công ty nhận tái bảo hiểm khác	26,684,714,187	19,961,571,537
<b>b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>4,099,806,235</b>	<b>2,519,453,191</b>
<b>c) Phải trả bồi thường bảo hiểm</b>	<b>27,390,643,391</b>	<b>14,114,149,667</b>
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	12,577,717,068	4,844,989,478
Các khoản phải trả khách hàng khác	14,812,926,323	9,269,160,189
<b>d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm</b>	<b>2,789,487,413</b>	<b>2,142,830,787</b>
<b>e) Phải trả khác</b>	<b>2,055,740,704</b>	<b>1,432,313,265</b>
	<b>160,054,423,180</b>	<b>114,533,985,348</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Các khoản phải nộp	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
Thuế GTGT	7,084,065,757	8,006,971,858
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,922,570,809	-
Thuế thu nhập cá nhân	352,011,654	304,685,534
Thuế nhà thầu nước ngoài	23,781,080	-
Thuế, phí phải nộp khác	836,331,568	138,106,067
	<b>10,218,760,868</b>	<b>8,449,763,459</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	24,685,533,444	7,812,612,599
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	32,674,421,002	24,685,533,445
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(20,713,075,656)	(7,812,612,599)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<b>36,646,878,790</b>	<b>24,685,533,444</b>
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả bảo hiểm xã hội	13,603,853	153,383,201
Phải trả bảo hiểm y tế	8,377,869	19,939,431
Phải trả kinh phí công đoàn	689,444,682	511,071,187
Phải trả các cổ đông	214,413,900	214,413,900
Phải trả khác	1,744,448,839	1,113,108,927
	<b>2,670,289,143</b>	<b>2,011,916,646</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>	<b>352,860,297,810</b>	<b>210,566,595,870</b>	<b>142,293,701,940</b>
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	325,152,355,898	202,628,733,138	122,523,622,760
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	27,707,941,912	7,937,862,732	19,770,079,180
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học</b>	<b>467,649,865,525</b>	<b>135,673,404,937</b>	<b>331,976,460,588</b>
<b>Cộng</b>	<b>820,510,163,335</b>	<b>346,240,000,807</b>	<b>474,270,162,528</b>

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Kỳ này		
	Dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	222,800,122,138	123,958,236,832	98,841,885,306
Số trích lập trong kỳ	130,060,175,672	86,608,359,038	43,451,816,634
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>352,860,297,810</b>	<b>210,566,595,870</b>	<b>142,293,701,940</b>

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Kỳ này		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	331,353,087,008	97,305,273,933	234,047,813,075
Số trích lập trong kỳ	136,296,778,517	38,368,131,004	97,928,647,513
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>467,649,865,525</b>	<b>135,673,404,937</b>	<b>331,976,460,588</b>

**3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối**

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Số dư đầu kỳ	<b>39,630,673,870</b>	<b>34,875,853,476</b>
Số trích lập thêm trong kỳ	6,607,613,728	4,754,820,394
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>46,238,287,598</b>	<b>39,630,673,870</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>				
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>500,000,000,000</b>	<b>9,892,570,140</b>	<b>5,951,896,171</b>	<b>515,844,466,311</b>
Tăng vốn trong kỳ	300,000,000,000	-	-	300,000,000,000
Lỗ trong kỳ	-	-	(7,197,609,109)	(7,197,609,109)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(325,531,307)	(325,531,307)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(5,200,000,000)	(5,200,000,000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>9,892,570,140</b>	<b>(6,771,244,245)</b>	<b>803,121,325,895</b>
<b>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>				
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>10,985,112,079</b>	<b>15,232,765,530</b>	<b>826,217,877,609</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	4,174,190,503	4,174,190,503
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	208,709,525	(208,709,525)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(432,765,530)	(432,765,530)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(14,800,000,000)	(14,800,000,000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>11,193,821,604</b>	<b>3,965,480,978</b>	<b>815,159,302,582</b>

**Chi tiết nguồn vốn kinh doanh**

	Vốn góp tại ngày cuối kỳ		Vốn góp tại ngày đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần HUM	72,000,000,000	9%	72,000,000,000	9%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	72,000,000,000	9%	72,000,000,000	9%
Ông Phạm Ngọc Lâm	72,000,000,000	9%	72,000,000,000	9%
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	72,000,000,000	9%	72,000,000,000	9%
Cổ đông khác	512,000,000,000	64%	512,000,000,000	64%
	<b>800,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>100%</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phí bảo hiểm gốc</b>	<b>890,399,387,183</b>	<b>637,878,938,926</b>
Bảo hiểm hàng không	46,940,086,406	48,951,098,377
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	56,784,460,795	35,066,054,382
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	40,476,034,781	44,379,354,371
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	31,327,603,550	22,593,792,913
Bảo hiểm xe cơ giới	652,666,110,330	446,525,506,817
Bảo hiểm cháy nổ	50,447,981,548	29,964,550,141
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	6,699,031,882	5,391,743,621
Bảo hiểm trách nhiệm chung	4,767,782,257	4,811,557,042
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	290,295,634	195,281,262
<b>Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc</b>	<b>(557,683,045)</b>	<b>(165,666,191)</b>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>35,457,184,826</b>	<b>35,514,999,597</b>
Bảo hiểm hàng không	-	(715,221,363)
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	22,782,608,623	14,802,071,300
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	6,905,035,601	13,009,918,028
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	439,053,360	201,944,063
Bảo hiểm cháy nổ	1,695,392,156	2,739,475,266
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3,600,901,158	5,258,623,026
Bảo hiểm trách nhiệm chung	20,978,486	182,914,348
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	13,215,442	35,274,929
<b>Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(27,089,775)</b>	<b>(70,982,974)</b>
<b>(Tăng) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(136,296,778,517)</b>	<b>(90,477,940,497)</b>
	<b>788,975,020,672</b>	<b>582,679,348,861</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>264,604,807,932</b>	<b>197,683,213,899</b>
Bảo hiểm hàng không	46,118,599,963	46,753,911,397
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	3,136,126,068	(140,725,301)
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	24,479,645,569	27,622,551,231
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	20,875,883,210	12,412,908,280
Bảo hiểm xe cơ giới	128,150,051,930	82,999,656,698
Bảo hiểm cháy nổ	37,372,088,633	23,861,992,939
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	2,632,760,132	2,194,777,854
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,589,470,593	1,799,012,218
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	250,181,834	179,128,583
<b>(Tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(38,368,131,004)</b>	<b>(26,820,056,012)</b>
	<u><b>226,236,676,928</b></u>	<u><b>170,863,157,887</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Năm 2018	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Tổng chi bồi thường</b>	<b>307,282,290,106</b>	<b>190,083,690,883</b>
Bảo hiểm hàng không	25,183,913,686	29,541,959,035
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	31,808,747,741	15,623,236,995
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	9,148,720,797	10,672,348,342
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	5,102,287,973	4,394,060,833
Bảo hiểm xe cơ giới	223,832,350,128	124,008,547,078
Bảo hiểm cháy nổ	8,272,766,428	2,352,121,542
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	2,867,221,446	2,710,508,647
Bảo hiểm trách nhiệm chung	716,457,017	614,522,596
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	349,824,890	166,385,815
<b>Chi phí giám định tổn thất</b>		
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(103,257,958,084)</b>	<b>(55,823,179,538)</b>
<b>Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>130,060,175,672</b>	<b>69,099,900,182</b>
<b>(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(86,608,359,038)</b>	<b>(37,988,811,848)</b>
	<b>247,476,148,656</b>	<b>165,371,599,679</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>(Phân loại lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi hoa hồng bảo hiểm	35,170,323,322	28,833,517,458
Chi đòi người thứ ba	-	15,992,839
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	420,395,495	412,037,188
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	1,045,918,255	1,179,179,411
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	4,287,033,466	2,996,708,569
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	239,874,338,763	151,105,294,642
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	98,359,289,417	80,885,615,498
Chi khác	452,054,147	248,941,296
	<b>379,609,352,865</b>	<b>265,677,286,901</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25,290,181,516	21,265,159,497
Lãi đầu tư trái phiếu	679,315,068	1,972,557,374
Lãi kinh doanh chứng khoán	83,626,881,745	41,470,298,239
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12,173,825,000	5,835,284,623
Lãi chênh lệch tỷ giá	417,636,530	1,414,564,462
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	36,087,591,191	15,000,890,410
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2,840,416,555
	<b>158,275,431,050</b>	<b>89,799,171,160</b>

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	5,545,587,717	(4,560,967,326)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	33,482,134,617	7,786,229,790
Chi phí lãi vay	928,420,996	173,333,333
Lỗ chênh lệch tỷ giá	451,498,255	341,940,538
Chi phí hoạt động tài chính khác	43,103,110	208,199,867
	<b>40,450,744,695</b>	<b>3,948,736,202</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4 năm 2018</b>	<b>Kỳ trước (Phân loại lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	73,035,492,600	58,127,416,610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28,227,965,585	23,191,018,900
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	107,026,731	(1,668,350,812)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,873,840,786	1,933,625,307
Chi phí dụng cụ văn phòng	4,802,290,661	3,912,198,990
Chi phí vật liệu quản lý	2,333,585,800	1,572,138,820
Thuế, phí và lệ phí	3,092,094,415	2,204,501,796
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	479,020,790	632,710,232
Chi phí quản lý khác	535,651,336	667,834,710
	<b>114,486,968,704</b>	<b>90,573,094,553</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	2,907,963,767
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	164,333,886	297,295,353
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>164,333,886</b>	<b>3,205,259,120</b>

Khoản điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này 164.333.886 là số thuế TNDN Tổng Công ty phải nộp tăng thêm theo quyết định của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng truy thu tăng năm 2016 và 2017.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ 9 tháng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính kỳ hoạt động 9 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Tổng Công ty phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Mã số	Kỳ trước		
		Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	278,507,921,318	(12,830,634,417)	265,677,286,901
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	249,674,403,860	(12,830,634,417)	236,843,769,443
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	77,742,460,136	12,830,634,417	90,573,094,553


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2019